

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Nguyễn Thị Bình

Gia đình, bạn bè và đất nước : Hồi ký / Nguyễn Thị Bình. - Xuất bản lần 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 268 tr., 20 tr. ảnh ; 24 cm
ISBN 978-604-57-9233-9

1. Nguyễn Thị Bình, 1927- , Chính trị gia, Việt Nam 2. Cuộc đời
3. Hoạt động cách mạng 4. Hoạt động chính trị 5. Hồi ký
959.704092 - dc23

CTF0776p-CIP



Mời bạn quét QR để đọc sách!

Lời Nhà xuất bản

Bà Nguyễn Thị Bình, tên thật là Nguyễn Thị Châu Sa, sinh ngày 26/5/1927, quê gốc tại thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, trong một gia đình giàu truyền thống cách mạng. Ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, Nguyễn Thị Châu Sa đã tham gia hoạt động yêu nước. Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, bà hoạt động cách mạng sôi nổi, tích cực và nhiều lần bị địch bắt, tù đầy. Năm 1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập. Đầu năm 1961, bà được Ban Thống nhất cử sang tham gia hoạt động ngoại giao cho Mặt trận và đổi tên từ Yến Sa (bí danh được bà sử dụng từ năm 1948) sang Nguyễn Thị Bình để giữ bí mật và để quốc tế dễ đọc tên của bà hơn.

Từ đây, thế giới biết đến một nữ chính trị gia - Nguyễn Thị Bình với cương vị Trưởng phái đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, rồi Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tham gia Hội nghị bốn bên về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam tại Pari. Ngày 27/01/1973 tại Pari, “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam” được ký kết. Đó là kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao cam go, lâu dài nhất trong lịch sử ngoại giao Việt Nam, với 202 phiên họp chung công khai, 45 cuộc họp cấp cao, 500 cuộc

hợp báo, 1.000 cuộc phỏng vấn trong thời gian 4 năm 9 tháng (từ tháng 5/1968 đến tháng 01/1973). Trong quá trình đàm phán đó, cả thế giới đều rất ngưỡng mộ và khâm phục ý chí kiên định, sự mềm dẻo, nhạy bén của nhà nữ ngoại giao xuất sắc - Nguyễn Thị Bình - người con của quê hương Quảng Nam.

Có thể nói cuộc đời của bà gắn chặt với những sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước trong suốt thế kỷ XX. Đó là cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 - 1975) giành thắng lợi hoàn toàn, đất nước hòa bình, tiến lên chủ nghĩa xã hội, rồi thực hiện công cuộc đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Với 96 năm tuổi đời, 77 năm tuổi Đảng, trải qua nhiều cương vị công tác khác nhau, bà Nguyễn Thị Bình đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, là tấm gương sáng cho thế hệ trẻ noi theo.

Nhằm tái hiện cuộc đời của bà Nguyễn Thị Bình, một nhân chứng sống đã tham gia, chứng kiến những biến chuyển thăng trầm của lịch sử dân tộc trong thế kỷ XX, từ thời thơ ấu cho đến khi tham gia hoạt động cách mạng, những dấu mốc quan trọng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và cả khi đã nghỉ hưu của bà, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản lần thứ hai cuốn sách ***Gia đình, bạn bè và đất nước***. Đây là cuốn hồi ký được bà Nguyễn Thị Bình bắt tay viết từ năm 2007, hoàn thành vào cuối năm 2009 và được bổ sung, chỉnh sửa qua các năm 2013, 2014, 2023.

Từng trang hồi ký được thể hiện bằng ngôn từ giản dị, không triết lý cao siêu mà gần gũi, sâu lắng, nhưng đã toát lên được

trình thần yêu nước, ý thức trách nhiệm, tấm lòng vì nước vì dân, tạo nên sức nặng trong từng câu, từng chữ của cuốn hồi ký. Như nhà văn Nguyên Ngọc, người làm việc cùng bà Nguyễn Thị Bình trong suốt thời gian hoàn thiện cuốn hồi ký cho biết, qua hồi ký có thể nhận ra ở bà sự kết hợp đặc biệt giữa bình dân - tinh hoa, giản dị - sang trọng, mềm mại - kiên định; đó là một người có sức trẻ tâm hồn và trí tuệ, kết hợp sự kiên định và dám chấp nhận thay đổi, tiếp nhận cái mới. Bà là một biểu tượng sáng ngời về phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt Nam.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 4 năm 2025

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Quê hương

Quê tôi ở Quảng Nam, trước vốn là một tỉnh, trong chiến tranh chống Mỹ do điều kiện đặc biệt đã tạm chia thành hai, phía bắc gọi là Quảng Đà, phía nam gọi là Quảng Nam (chính quyền Sài Gòn thì gọi phía bắc là Quảng Nam, phía nam là Quảng Tín). Sau năm 1975, Quảng Nam lại thống nhất thành một tỉnh; năm 1997, Đà Nẵng được tách thành thành phố trực thuộc Trung ương, phần còn lại gọi là tỉnh Quảng Nam, tỉnh lỵ đóng ở thành phố Tam Kỳ. Dù chia tách về tổ chức hành chính, nhưng về lịch sử, truyền thống văn hóa, Quảng Nam, gồm cả Đà Nẵng, luôn là một.

Quê hương tôi không giàu nhưng thật phong phú: những đồng lúa xanh ngát, sông ngòi giăng khắp - sông Thu Bồn nổi tiếng; sông Hàn ngắn mà đầy và khỏe; sông Trường Giang rất đặc biệt không đổ từ trên núi xuống mà nổi từ một cửa biển này sang cửa biển khác; sông Tam Kỳ bốn mùa xanh trong; sông Cổ Cò như một con kênh tự nhiên kết nối các dòng nước khắp tỉnh... Người ta bảo Quảng Nam là tỉnh độc đáo về đường nước, có thể theo các dòng sông lớn nhỏ trong nội địa mà lưu thông ngang dọc khắp tỉnh, không cần vòng ra biển. Quảng Nam có

núi lại có biển và đảo, có những bãi biển từng được coi là đẹp nhất thế giới. Cù lao Chàm thì đã được xếp là khu bảo tồn sinh thái thế giới.

Quảng Nam có Hội An. Từ thế kỷ XVI, XVII, Hội An đã là một thương cảng sầm uất, nơi đầu tiên ở nước ta tiếp xúc với phương Tây, giao lưu quốc tế nhộn nhịp, người Trung Quốc, người Nhật, người Bồ Đào Nha, người Tây Ban Nha, người Hà Lan từng đến đây buôn bán rất sớm. Người dân sớm có kinh nghiệm giao lưu, hội nhập quốc tế, văn minh, lịch thiệp, năng động mà vẫn chất phác.

Đà Nẵng cách Hội An không đầy 30km, là cửa ngõ quốc tế lớn nhất của Quảng Nam và của cả miền Trung, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về nhiều mặt. Chính vì thế khi xâm lược nước ta hồi thế kỷ XIX, thực dân Pháp đã đổ bộ trước tiên vào đây; hơn một thế kỷ sau, đây cũng là nơi đầu tiên các sư đoàn thủy quân lục chiến Mỹ chọn làm điểm đổ quân ồ ạt, mở đầu chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Mỹ đã xây dựng Đà Nẵng thành căn cứ hải - lục - không quân lớn để chỉ huy chiến trường miền Trung và Tây Nguyên, ra đến vĩ tuyến 17, đây cũng là một trong những điểm xuất phát của không quân Mỹ đánh phá miền Bắc.

Có thể nói trong thời kỳ cận đại và hiện đại, Quảng Nam - Đà Nẵng là nơi “đứng mũi chịu sào” trong mọi cuộc chiến tranh chống xâm lược của dân tộc, là một trong những chiến trường ác liệt nhất trên cả nước. Và nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã can trường gánh vác nhiệm vụ của mình bằng những hy sinh vô cùng to lớn. Trên 7.000 bà mẹ anh hùng, Quảng Nam - Đà Nẵng, chiếm hơn một phần tư số bà mẹ anh hùng

trong cả nước được biểu dương, là một minh chứng hùng hồn. Quả thật nhân dân quê hương tôi xứng đáng với danh hiệu *Trung dũng, kiên cường*¹.

Năm 1975, khi miền Nam vừa được giải phóng, trở về thăm quê, tôi xót xa trước cảnh xóm làng bị tàn phá, ụi trắng, san bằng do chủ trương “tự do hủy diệt” của quân Mỹ và chính quyền miền Nam. Gò Nổi - Điện Bàn quê nội tôi vốn là vùng đất trù phú nhất của Quảng Nam, nổi tiếng với những cánh đồng phì nhiêu và những biển² dâu xanh ngắt bên sông Thu Bồn, có nghề dệt lụa phát triển lâu đời từng có sản phẩm xuất khẩu sang tận châu Âu..., nay chỉ còn là bãi đất uest trụi mênh mông toàn cỏ lác hoang vu. Không một bóng cây cao, không một bóng người...

Quê ngoại tôi ở phía tây Tam Kỳ cũng là vùng rất ác liệt trong chiến tranh và bị tàn phá không kém.

Hậu quả chiến tranh đối với Quảng Nam hết sức nặng nề, đặc biệt ảnh hưởng của chất độc da cam do Mỹ rải xuống trong hàng chục năm, còn di hại rất lâu dài.

1. Tại Đại hội Anh hùng, Chiến sĩ thi đua toàn miền Nam do Trung ương Cục miền Nam và Quân ủy Miền chủ trì (năm 1968) có sự tham dự của đại biểu các tỉnh, thành phố và Bộ Tư lệnh các quân khu 5, 6, 7, 8, 9 cùng Đặc khu Sài Gòn - Gia Định đã nhất trí tuyên dương ba tỉnh Bến Tre, Long An, Quảng Nam - Đà Nẵng đạt những thành tích xuất sắc trong sự nghiệp chống Mỹ (giai đoạn 1954 - 1968). Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng được nhận danh hiệu “*Trung dũng, kiên cường đi đầu diệt Mỹ*”.

2. Biển: bãi lầy chạy dọc ven sông có thể dùng để cấy trồng hoa màu.

Gần 50 năm qua, nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã vươn mình đứng dậy, thật sự là từ trong tro tàn, tạo cho quê hương một bộ mặt mới hoàn toàn khác, một cuộc sống mới tốt đẹp hơn và đầy triển vọng.

Không chỉ kiên cường trong chiến tranh giải phóng, đất Quảng còn tự hào đã đóng góp đáng kể vào nền văn hóa dân tộc. Quảng Nam từ lâu đã nổi tiếng là đất học, có truyền thống hiếu học và nhiều người học giỏi. Một thời cả nước từng biết danh Ngũ phụng tề phi¹, Tú kiệt² của Quảng Nam. Quảng Nam cũng từng là một trong những nơi xuất phát của phong trào Đông Kinh nghĩa thực, và cuộc vận động Duy Tân từ những năm đầu thế kỷ XX cũng được khởi xướng từ đây.

Đất Quảng có nhiều vùng đặc biệt nghèo, nhất là miền núi. Nhưng có lẽ tạo hóa dường như cũng có luật bù trừ. Tại vùng Tiên Phước, nơi “chó ăn đá, gà ăn sỏi” của quê ngoại tôi đã sản sinh ra nhiều nhà yêu nước lớn, trong đó có ông ngoại tôi - cụ Phan Châu Trinh, và cụ Huỳnh Thúc Kháng (khi Bác Hồ sang Pháp năm 1946, cụ là Quyền Chủ tịch nước).

Đối với ông ngoại tôi, mọi người đều nhất trí công nhận cụ là người đầu tiên ở Việt Nam đề xướng tư tưởng dân chủ, dân quyền. Cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã đánh giá Phan Châu Trinh, người bạn đồng khoa với mình, là “Nam quốc dân quyền tiên tổ chúc” (người tổ chức

1. Ngũ phụng tề phi: Năm nho sĩ Quảng Nam cùng đỗ cao nhất trong một kỳ thi ở triều đình - Đại khoa năm 1898: Phạm Liệu, Phan Quang, Phạm Tuấn, Ngô Chuân, Dương Hiễn Tiến.

2. Tú kiệt: gồm Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Đình Hiến.

nền dân quyền đầu tiên ở nước Nam). Học giả Hoàng Xuân Hãn cho rằng trong hoàn cảnh trăm trở tìm đường cứu nước của các sĩ phu cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, cụ Phan Châu Trinh là người đầu tiên nhận ra nguyên nhân mất nước chính là ở trong sự lạc hậu tai hại về văn hóa của nước ta thời bấy giờ, cho nên cụ đã chủ trương con đường phát triển đất nước là phải “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”. Cụ đã nói dứt khoát: “Chi bằng học!”. Có thể hiểu: nhân dân cần có sự hiểu biết, có tri thức, đồng thời được khơi dậy lòng tự tôn dân tộc thì mới mong làm nên đại sự, mưu cầu tự do, hạnh phúc. Tôi nghĩ đây là một tư tưởng lớn, còn có giá trị lâu dài, ngay cả đối với chúng ta ngày nay.

Cụ Phan cũng được coi là con người tiêu biểu cho tính chất chung của người xứ Quảng: cương trực, khí phách, không dễ bị khuất phục. Tật “hay cãi” của người Quảng chắc cũng có trong cụ. Người Quảng cũng thường “tham việc công”, nghĩa là có trách nhiệm với đất nước, cộng đồng, sẵn sàng gánh vác và dấn thân. Con người đó cũng lại là con người rất nghĩa tình, và cởi mở, nhạy cảm với cái mới, nên đã có câu ca:

Đất Quảng Nam chưa mưa đà thấm,

Rượu Hồng đào chưa nhắm đà say.

Nhiều bạn bè cho rằng tôi đã thừa hưởng một số đặc tính ấy của người dân đất Quảng!

Tuổi thơ

Về bên ngoại, mẹ tôi là con gái thứ hai của cụ Phan Châu Trinh, quê ở phía đông huyện Tiên Phước, nay thuộc huyện Phú Ninh, phía tây Tam Kỳ. Ông nội tôi thì quê ở huyện Điện Bàn, là một nghĩa binh của phong trào Cần Vương.

Ông cụ thân sinh ra tôi là con thứ mười trong gia đình, làm viên chức trong ngành trắc địa. Từ khi ra trường, cụ đã làm việc ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ, luôn lênh đênh trên một chiếc ghe bầu rất lớn. Tôi được sinh ra ở xã Tân Hiệp, tỉnh Sa Đéc, và được ba má đặt tên là Sa. Nghe má tôi nói, khi mới sáu tháng tuổi, tập bò, tôi bị rơi xuống sông Tiền, nhưng được vớt lên ngay.

Tuổi thơ tôi được sống một thời gian ở nông thôn nên cũng hiểu việc đồng áng, câu cá, câu tôm. Tôi còn nhớ mãi mùa nước nổi ở đồng bằng miền Tây, ruộng vườn chìm trong nước mênh mông như biển. Những ngày tháng tuổi thơ ảnh hưởng lâu dài trong cả cuộc đời tôi, trong hoạt động xã hội lẫn đời sống riêng.

Sau đó, ông cụ thân sinh tôi được điều sang Campuchia làm việc, mang cả gia đình đi theo và định cư tại Phnôm Pênh một thời gian dài. Tôi là con gái đầu lòng. Ngoài chị em chúng tôi, còn có vài ba anh em họ hàng ở quê vì kinh tế khó khăn phải đến nhờ ông cụ tôi giúp đỡ, tiếp tục đi học hoặc tìm việc làm.

Nhà lúc nào cũng rất đông vui, ăn cơm phải chia hai lượt vì không đủ chỗ ngồi. Lương ông cụ tôi không cao nhưng cũng không thấp, lúc nào cũng sẵn sàng cứu mang con cháu.

Cụ là người ham lao động, đặc biệt rất say mê kỹ thuật. Ở nhà dưới có một phòng đủ các dụng cụ về cơ khí để cụ sửa chữa, chế tạo. Ngoài giờ đi làm, muốn tìm cụ thì phải vào cái kho đặc biệt đó. Cụ là người rất yêu lao động nên đánh giá con người cũng qua thái độ lao động của họ: người nào siêng làm là người tốt, người nào hơi lười cụ không ưa. Đối với chúng tôi, cụ cũng có yêu cầu như vậy bất kể là trai hay gái: biết đi xe đạp thì phải biết sửa xe, vá xăm lốp. Ông cụ thích chúng tôi ham học, ham đọc sách, chơi thể thao, không thích chúng tôi đồn ca, giao du với bạn bè nhiều. Về sau trong suốt đời hoạt động và công tác, tôi luôn gắn bó và cũng dễ gần gũi với người dân lao động, thường nhìn con người qua thái độ lao động và cách họ quan hệ với người lao động, nghĩ lại tôi rất biết ơn ông cụ tôi về ảnh hưởng đó.

Mẹ tôi có lẽ vì sinh đẻ nhiều, không được khỏe. Bà mất khi tôi mới 16 tuổi và em út tôi chưa đầy năm. Tuy vậy, tôi đã có một thời thơ ấu đầm ấm, hạnh phúc giữa tình thương của cha mẹ và người thân. Đến khi mẹ mất, tôi mới cảm thấy lo lắng và thiếu thốn tình cảm. Nhìn đàn em còn nhỏ dại, tôi bắt đầu ý thức về trách nhiệm của mình: phải thay mẹ lo cho các em.

Lúc còn sống, mẹ tôi thường kể chuyện về ông ngoại - cụ Phan Châu Trinh. Cụ mất năm 1926 sau khi từ Pháp về được một năm, nên khi ra đời tôi không được biết mặt và càng không được trực tiếp nhận ảnh hưởng từ tư tưởng yêu nước thúc thời của cụ. Trong ký ức của tôi, từ lời kể của mẹ, ông ngoại tôi là người

đã bôn ba khắp nước từ khi còn trẻ, rồi vì hoạt động chống Pháp mà bị bắt. Nếu không có những người Pháp tiến bộ trong Hội Liên minh Nhân quyền Pháp tích cực bênh vực thì có lẽ cụ đã bị xử chém. Sau thời gian ở tù Côn Đảo, khi được trả tự do, cụ yêu cầu và được chính quyền thuộc địa cho sang Pháp, và đã ở đó 14 năm. Ý đồ của cụ là tìm cách dựa vào các lực lượng tiến bộ ở Pháp để mưu cầu độc lập cho nước nhà.

Trong những năm 40 của thế kỷ XX, gia đình tôi không sống ở trong nước, nhưng tin tức về các cuộc nổi dậy của cộng sản ở Mỹ Tho và một số tỉnh Nam Bộ cũng đã đến với chúng tôi. Hồi đó, tôi thấy mẹ tôi thường tỏ ra buồn bực, bà hay tâm sự với những người bạn thân: “Không biết bao giờ nhân dân ta mới đánh được Tây?”.

Ở Campuchia, gia đình chúng tôi sống trên đại lộ Miche (Boulevard Miche), Thủ đô Phnôm Pênh. Nhà làm bằng gỗ, với một kiến trúc rất đặc biệt, do ba tôi thiết kế theo ý tưởng của cụ: phải rộng rãi, thoáng mát, tiện lợi. Nhà ở sau một bãi cát rất rộng, mùa trăng rằm sáng trắng như tuyết. Những đêm trăng sáng, chị em tôi rất thích đuổi nhau trên bãi cát trắng. Sau nhà là đồng ruộng, mùa nước lên, nước có thể đến chân cột nhà. Tôi giữ mãi hình ảnh về ngôi nhà thân thiết đã gắn với thời niên thiếu của mấy chị em chúng tôi những năm tháng chúng tôi còn đủ cha và mẹ.

Tôi học trường Lycée Sisowath¹, trường trung học lớn nhất của Campuchia. Vì cha tôi làm công chức nên tôi “được” học ở hệ thống “chính quốc” Pháp, không theo hệ thống dành cho người bản xứ. Ở đây phần lớn học sinh là con cái công chức người Pháp

1. Lycée Preah Sisowath: Trường trung học Bảo hộ dạy bằng tiếng Pháp, được thành lập năm 1873 tại Phnôm Pênh, Campuchia.

hoặc có quốc tịch Pháp. Tinh thần dân tộc của tôi và các em tôi đã biểu hiện trong một số vụ va chạm với “bọn con Tây”. Tôi nhớ một lần ra chơi, mấy đứa bạn học người Pháp nói với nhau về những người giúp việc nhà họ: “Bọn Anamites đều là những tên ăn cắp”. Tôi nghe thấy, không chịu nổi, đến hỏi chúng: “Chúng mày nói gì?”. Mấy đứa còn đang ngơ ngác, tôi lấy ngay cặp sách nện vào chúng. Các em tôi đến đón tôi cũng nhảy vào tiếp sức chị. Một cuộc ẩu đả xảy ra, may không có ai bị thương đáng kể. Ngày hôm sau, tôi bị ông Hiệu trưởng gọi lên, tôi tưởng ông sẽ kỷ luật tôi, nhưng ông chỉ nhắc nhở nhẹ nhàng.

Mẹ ốm nặng, phải về chữa bệnh ở Sài Gòn từ cuối năm trước, ở tại nhà thờ cụ Phan bên Đa Kao. Thi “brevet” xong tôi về Sài Gòn thăm mẹ. Nhìn mẹ gầy ốm gần như da bọc xương, tôi thương quá, ân hận đã không được ở bên mẹ để chăm sóc. Tôi khóc sưng cả mắt. Mẹ nhìn tôi, chỉ lắc đầu lẩm bẩm: “Thương con tôi, nó còn nhỏ quá!”. Đi đường gần một ngày từ Phnôm Pênh về Sài Gòn quá mệt, tôi nằm thiếp đi một lúc thì chị giúp việc gọi dậy báo mẹ đã mất rồi. Lúc đó ba tôi đi công tác xa chỉ kịp về đưa đám mẹ. Các em tôi cũng không được gặp mẹ giây phút cuối cùng. Chỉ có mình tôi, may còn được gặp mẹ trước khi bà ra đi mãi mãi. Mẹ tôi được chôn cất tại nghĩa địa Trung Kỳ Ái hữu, mãi đến năm 1976 mới được cải táng đưa tro về nhà thờ cụ Phan hiện nay. Trước đây, tôi mong ước sau khi học xong tú tài sẽ xin học trường Y, trở thành bác sĩ để chữa bệnh cho mẹ và những người nghèo. Sở dĩ tôi có ý nghĩ và mong ước đó là vì tôi thấy bác sĩ đến chữa bệnh cho mẹ tôi tuy đã được trả tiền nhưng không sốt sắng và tận tâm, gia đình phải cầu cạnh họ. Có lẽ chúng tôi không gặp được những bác sĩ tốt chăng?

Ở tuổi 16, tôi đã mất mẹ. Các em tôi lúc đó còn rất nhỏ, mới 13, 9, 5, 3 tuổi và em út mới mấy tháng tuổi. Khi còn mẹ, tôi chỉ biết ăn học, vui chơi. Ba tôi đặt nhiều hy vọng vào tôi. Tôi học tương đối tốt, nhất là môn Toán, lúc nào cũng được điểm cao, nhờ đó mà sau này tôi đã làm gia sư và có lúc dạy Toán ở một vài trường. “Con cố gắng học tốt, sau này có nghề nghiệp, có gì còn lo cho các em”, ba tôi thường nhắc nhở tôi, dường như ông đã tiên lượng hoàn cảnh của chúng tôi.

Những năm học cấp III, tôi vẫn chăm chỉ học tập nhưng đã bắt đầu nghĩ về tương lai. Tôi thích đọc sách, thường thức khuya đọc tiểu thuyết. Tôi thích nghe nhạc trữ tình của Schubert, Schumann... và ca nhạc hùng tráng. Nghe bài hát *Tiếng gọi thanh niên* của Lưu Hữu Phước “*Này sinh viên ơi, đứng lên đáp lời sông núi...*”, tôi thấy bùng bùng trong tim. Ba mẹ tôi đôi khi cũng cho chúng tôi đi xem phim, coi cải lương. Tôi rất dễ xúc động. Nhớ một lần xem vở *Đời cô Lựu*, khá nổi tiếng những năm 1940, tôi khóc nức nở. Khán giả ngồi quanh không nhìn lên sân khấu nữa mà quay lại nhìn tôi. Tôi hết sức xấu hổ nhưng không cầm được nước mắt.

Tôi cũng thích thể thao. Môn thích nhất là bóng rổ. Ngày Chủ nhật tôi thường cùng các bạn chơi cả buổi sáng. Khi về nhà, hai má đỏ ửng như cà chua chín. Đôi khi tôi cũng tham gia thi đấu bóng rổ với các trường khác, thi chạy việt dã... Tôi cũng chú ý đến việc may vá, nấu nướng, muốn được trở thành một người phụ nữ toàn diện “công, dung, ngôn, hạnh”. Như biết bao cô gái, tôi có nhiều ước mơ. Chính vào lúc đó, tôi đã gặp anh Khang, người bạn đời sau này của tôi.

Từ năm 1944, tình hình nước ta có nhiều biến động. Trong không khí như âm ỉ những dự báo vừa mơ hồ, vừa rõ rệt về những chuyển biến mới sẽ đến, mọi người hồi hộp lo, chờ. Quân Nhật đã đổ vào khắp nơi. Và tôi cũng bắt đầu hiểu ra nhiều điều.

Tại Phnôm Pênh đã xuất hiện hoạt động của Hội Việt kiều yêu nước, sau đó lại có phong trào cứu tế nạn đói cho miền Bắc, thu hút sự tham gia của đông đảo người Việt ở Campuchia. Đương nhiên gia đình chúng tôi liền hăng hái có mặt, và dần dần chúng tôi hiểu về Việt Minh - tổ chức đã đứng ra vận động những phong trào này.

Sau cuộc đảo chính của Nhật ở Đông Dương ngày 09/3/1945, nhiều người Việt ở Campuchia thấy cần sớm về nước để được trực tiếp tham gia vào cuộc đấu tranh lớn của dân tộc. Gia đình chúng tôi cũng quyết trở về. Việc chuẩn bị thi tú tài của tôi đành gác lại.

Mục lục

	Trang
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
• Quê hương	9
• Tuổi thơ	14
• Tôi là người hạnh phúc	20
• Trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp	25
• Một mặt trận đặc biệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	52
• Cuộc đàm phán dài nhất lịch sử	70
• Toàn thắng	123
• Những kỷ niệm và cảm nghĩ còn lắng sâu	137
• Thống nhất đất nước	163
• Mặt trận đoàn kết chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn	174
• Vào ngành giáo dục	186
• Trở lại đối ngoại nhân dân	207
• Phó Chủ tịch nước	217
• Về hưu nhưng bận rộn	245
• Niên biểu Nguyễn Thị Bình	261